

Phú Thọ

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — Hạng 29/34 tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

14,55 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) 7,11 điểm.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

31 / 34

Thực hiện pháp luật — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (-2,20).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 30 / 34

2,97 / 10 -1,82 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 31 / 34

3,01 / 10 -2,20 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 31 / 34

4,95 / 10 -0,87 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 28 / 34

3,62 / 10 -2,34 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH TƯƠNG ĐỐI

- #10 A8 — Tiếp nhận thông tin dự báo, định hướng xuất khẩu do CQQLNN địa phương cung cấp
- #13 C1 — Tận dụng FTA Việt Nam đã ký kết
- #20 C7 — Hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương
- #22 A4 — Chất lượng thông tin so với nhu cầu DN

KHOẢNG TRỐNG NGHIÊM TRỌNG

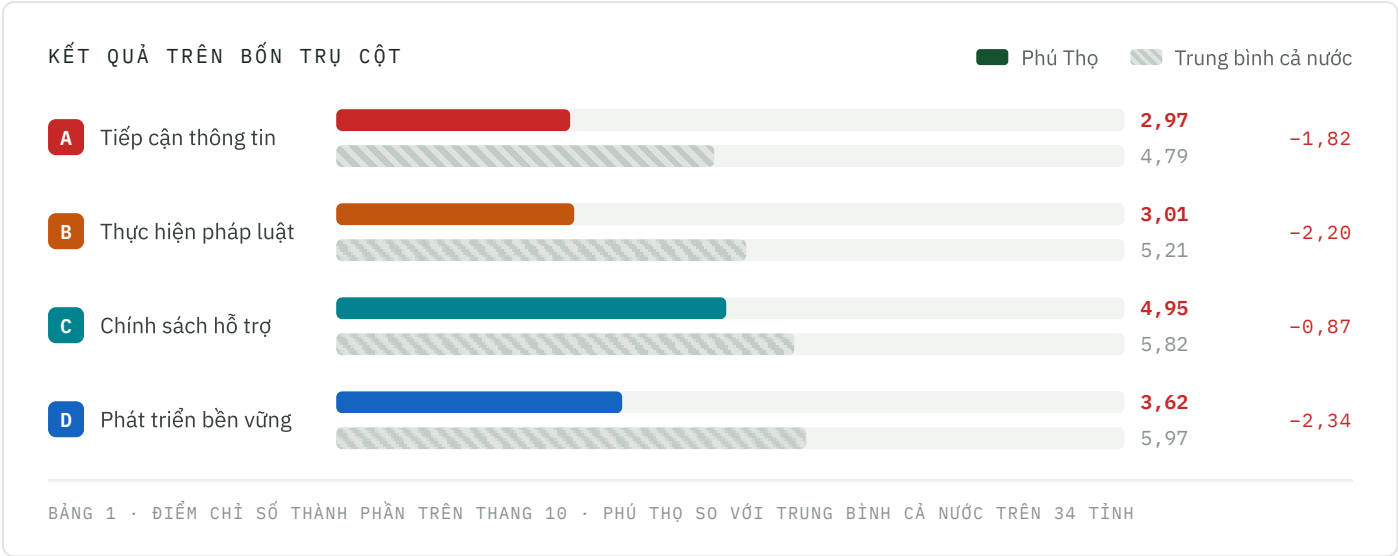
- #32 B7 — Mức độ tiếp thu góp ý/phản hồi doanh nghiệp
- #32 B2 — Tần suất hướng dẫn VBPL
- #31 B5 — Tần suất tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết
- #30 D3 — Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

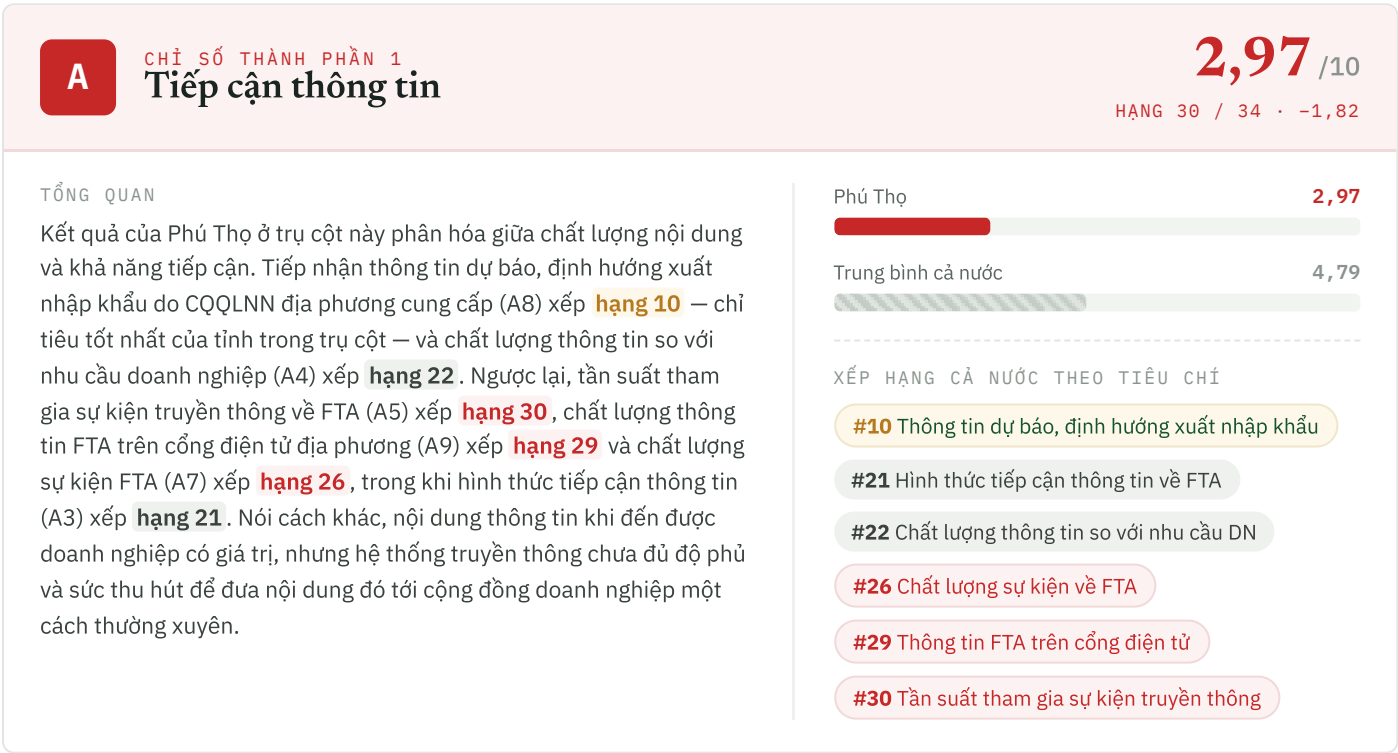
01 Tổng quan kết quả

Phú Thọ đạt 14,55/40 điểm, thuộc nhóm “Trung bình” và xếp hạng 29/34 tỉnh, thành phố. Cả bốn trụ cột đều thấp hơn mức trung bình cả nước, cho thấy những hạn chế không tập trung ở một lĩnh vực riêng lẻ mà phản ánh sự thiếu hụt tương đối toàn diện của hệ thống hỗ trợ thực thi FTA. Trong đó, thực thi pháp luật có thứ hạng thấp nhất (31/34), còn phát triển bền vững ghi nhận khoảng cách điểm lớn nhất so với mức trung bình cả nước (-2,34 điểm). Tuy nhiên, mức độ tận dụng FTA của doanh nghiệp xếp hạng 13, là tín hiệu quan trọng cho thấy doanh nghiệp đã có nhu cầu và năng lực khai thác

FTA nhất định. Nếu địa phương cải thiện hoạt động cung cấp thông tin, hướng dẫn pháp lý và hỗ trợ tuân thủ, nền tảng này có thể được chuyển hóa thành kết quả thực thi tích cực hơn.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần



quả khả quan hơn, nhưng chưa đủ bù đắp sự thiếu hụt trong hoạt động đồng hành pháp lý.

THỰC TRẠNG TIẾP CẬN HƯỚNG DẪN

Đáng chú ý, gần một nửa doanh nghiệp cho biết chưa nhận được hoặc không biết đến hoạt động hướng dẫn của chính quyền địa phương về các quy định thực thi cam kết FTA. Điều này cho thấy điểm nghẽn chủ yếu không nằm ở việc các quy định hoàn toàn vượt quá khả năng của doanh nghiệp, mà ở sự thiếu vắng của các hoạt động hướng dẫn, tập huấn và tư vấn thường xuyên. Doanh nghiệp vì vậy phần lớn phải tự tìm hiểu và xử lý những yêu cầu pháp lý tương đối phức tạp.

#22 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA

#25 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA

#31 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết

#31 Phản hồi, góp ý VBPL

#32 Tần suất hướng dẫn VBPL

#32 Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp

C

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

4,95 /10

HẠNG 31 / 34 · -0,87

TỔNG QUAN

Đây là trụ cột có khoảng cách nhỏ nhất so với mức trung bình cả nước. Mức độ tận dụng FTA của doanh nghiệp (C1) đạt thứ hạng đáng chú ý, đứng **hạng 13**, trong khi hiệu quả chính sách hỗ trợ (C7) xếp **hạng 20**. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp vẫn chủ động khai thác FTA dù hệ sinh thái hỗ trợ chưa phát triển tương xứng.

HẠNG CHẾ & ĐÁNH GIÁ THEO QUY MÔ

Tuy nhiên, tần suất tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại (C9.1) xếp **hạng 28**, khả năng đáp ứng nhu cầu cần hỗ trợ của các chương trình (C8) xếp **hạng 29**, rào cản thực thi FTA (C5) xếp **hạng 27** và số nhóm cam kết được khai thác (C4) xếp **hạng 26**. Khoảng 60% doanh nghiệp, không phân biệt quy mô hay loại hình sở hữu, chỉ đánh giá hiệu quả chính sách hỗ trợ ở mức trung bình. Dù vậy, 40–50% doanh nghiệp nhỏ đánh giá tích cực hoạt động kết nối với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nước ngoài. Đây có thể là nền tảng để địa phương phát triển các chương trình hỗ trợ có trọng tâm và mở rộng phạm vi tận dụng FTA.

Phú Thọ 4,95

Trung bình cả nước 5,82

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#13 Tận dụng FTA Việt Nam đã ký kết

#20 Hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương

#26 Số nhóm cam kết được khai thác

#27 Rào cản khi tận dụng FTA

#28 Tần suất xúc tiến thương mại

#29 Khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ

D

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4

Cam kết phát triển bền vững

3,62 /10

HẠNG 28 / 34 · -2,34

TỔNG QUAN

Phát triển bền vững là trụ cột có khoảng cách điểm lớn nhất so với mức trung bình cả nước. Chất lượng hỗ trợ từ cơ quan QLNN địa phương (D6) xếp **hạng 31**, mức độ sẵn sàng đáp ứng yêu cầu PTBV của doanh nghiệp (D3) xếp **hạng 30**, trong khi mức độ hiểu biết về các cam kết PTBV (D1) và nhận thức về tác động đối với hoạt động kinh doanh (D2) cùng xếp **hạng 28**. Hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) xếp **hạng 26**, còn nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ cam kết PTBV (D5) xếp **hạng 27**.

MỨC ĐỘ CHUẨN BỊ CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp nhìn chung đánh giá các cam kết về lao động, môi trường và thẩm định chuỗi cung ứng có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, khoảng 60% doanh nghiệp vẫn chưa có sự chuẩn bị hoặc mới chỉ hình thành ý tưởng mà chưa xây dựng kế hoạch và triển khai cụ thể. Khoảng cách này đặc biệt đáng lưu ý đối

Phú Thọ 3,62

Trung bình cả nước 5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#26 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN

#27 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ

#28 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

#28 Nhận thức tác động của các cam kết PTBV

#30 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- Tiếp cận thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu xếp hạng 10, tạo nền tảng thuận lợi để phát triển hệ thống cung cấp thông tin thị trường chủ động và có chiều sâu hơn.
- Mức độ tận dụng FTA xếp hạng 13 dù hệ thống hỗ trợ còn hạn chế, cho thấy nhu cầu và năng lực khai thác FTA của doanh nghiệp còn dư địa phát triển tích cực.
- Mức độ phức tạp khi tuân thủ VBPL thực thi FTA xếp hạng 22, khả quan hơn nhiều chỉ tiêu hỗ trợ pháp lý khác, cho thấy trở ngại chính nằm ở sự thiếu hụt hướng dẫn và đồng hành hơn là bản thân độ khó của các quy định.

HẠN CHẾ CẦN CẢI THIẾN

- Hoạt động đồng hành pháp lý thuộc nhóm thấp nhất cả nước, khi tần suất hướng dẫn, tập huấn, phản hồi và tiếp thu ý kiến doanh nghiệp đều xếp hạng 31–32.
- Mức độ sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu PTBV còn rất thấp (hạng 30), tiềm ẩn rủi ro đối với doanh nghiệp dệt may và chế biến, chế tạo tham gia chuỗi cung ứng quốc tế.
- Hệ thống truyền thông chưa tiếp cận và thu hút doanh nghiệp hiệu quả, với tần suất tham gia sự kiện xếp hạng 30 và thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương xếp hạng 29.

Định hướng hành động

xây dựng hệ thống hỗ trợ mà doanh nghiệp cần

NGAY BÂY GIỜ · 0-12 THÁNG

TIẾP THEO · 1-3 NĂM

1 Tăng cường đồng hành pháp lý

Tổ chức thường xuyên các hoạt động tập huấn, hướng dẫn và tư vấn theo tình huống, giúp doanh nghiệp hiểu và áp dụng các quy định thực thi cam kết FTA.

Trụ cột B · 31 → cải thiện thứ hạng

2 Chủ động kết nối và truyền thông

Phát huy thế mạnh về thông tin dự báo thông qua các sự kiện có tính lan tỏa, cổng thông tin điện tử để sử dụng và hoạt động xúc tiến thương mại phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp.

Trụ cột A · 30 → cải thiện thứ hạng

3 Nâng cao mức độ sẵn sàng về phát triển bền vững

Hỗ trợ doanh nghiệp dệt may và chế biến, chế tạo đánh giá khoảng cách tuân thủ, xây dựng kế hoạch và đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững tại những thị trường FTA trọng điểm.

Trụ cột D · 28 → cải thiện thứ hạng

4 Thiết lập đầu mối hỗ trợ FTA cấp tỉnh

Xây dựng một đầu mối thống nhất để cung cấp thông tin, hướng dẫn pháp lý, tiếp nhận vướng mắc và kết nối doanh nghiệp với các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Mục tiêu: củng cố năng lực thể chế



MỤC TIÊU

Củng cố năng lực thể chế và nâng Phú Thọ từ nhóm “Trung bình” lên nhóm “Khá”